TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2024
V/v "*Tranh chấp chia tài sản chung"*
và " Tranh chấp về chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Miện
2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Kim Chi- Thư ký TAND huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Ước- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/8/2024 và ngày 11/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp chia tài sản chung"và "Tranh chấp về chia di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST-DS, ngày 22/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-DS giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngọ Thị T, sinh năm 1957(có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Khổng Văn Đ, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Anh Khổng Văn X- Sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Khổng Văn T– Sinh năm 1982(có mặt).

- Ông Khổng Văn K- Sinh năm (đã chết);

- Bà Nguyễn Thị B- Sinh năm 1976 (Vợ anh Kết);

- Anh Khổng Văn T, Sinh năm 1999 (Con đẻ anh Kết);

- Chị Khổng Thị H- Sinh năm 2001(Con đẻ anh Kết);

Bà Nguyễn Thị B; Chị Khổng Thị H đều ủy quyền cho anh Khổng Văn T, Sinh năm 1999 (theo giấy ủy quyền được chứng thực tại UBND xã Châu Minh) (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ đều ở: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Khổng Thị Ng- Sinh năm 1984 (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: thôn Đ, xã Tam G, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Chị Nguyễn Thị Th- Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ đều ở: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người tham gia tố tụng khác:

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Ngọ Thị T; Ông Nguyễn Mạnh Lê – Luật sư thuộc công ty TNHH MTV Phúc Quang Đoàn luật sư Hà Nộ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Ngọ Thị T trình bày:

Bà và ông Khổng Văn Đường kết hôn với nhau năm 1973 và sinh được năm người con chung là: Khổng Văn Đ, Khổng Văn K(đã chết), Khổng Văn X, Khổng Văn Toan, Khổng Thị Ng.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất có diện tích 647,2m^2, số thửa 141, TBĐ số 66; địa chỉ tại thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc sử dụng đất là do cha ông để lại, tài sản trên đất là nhà ở, công trình phụ và cây cối hoa lợi do vợ chồng bà xây dựng, tu tạo lên. Cụ thể năm 1975 do ngôi nhà các cụ để lại bị hư hỏng nặng do bị bão xô đổ nên vợ chồng bà đã phá bỏ nhà cũ xây dựng ngôi nhà cấp 4 nhà tre mái ngói. Đến năm 1993 do ngôi nhà xây hư hỏng, xuống cấp nên vợ chồng bà phá ngôi nhà tre, xây dựng ngôi nhà gỗ lợp ngói. Đến năm 2010 do ngôi nhà bị xuống cấp nên bà đã tu sửa, nâng cấp ngôi nhà như hiện nay.

Vợ chồng bà quản lý sử dụng ổn định liên tục thửa đất và tài sản gắn liền với đất kể từ năm 1973 cho đến khi ông Đường chết. Sau khi ông Đường chết từ năm 2006 bà tiếp tục quản lý, sử dụng đến thời điểm hiện nay. Hàng năm nộp các loại thuế, quỹ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Kể từ sau khi ông Khổng Văn Đường qua đời, gia đình bà đã nhiều lần họp bàn về việc chia tài sản chung, chia di sản thừa kế nhưng không thành do các thành viên trong gia đình không thỏa thuận thống nhất được. Từ năm 2013 đến nay bà đã nhiều lần làm hồ sơ thủ tục đề nghị Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do các thành viên trong gia đình không thống nhất nên đến nay thửa đất trên vẫn chưa được cấp GCNQSĐ đất.

Do nội bộ gia đình không tự giải quyết được, xảy ra tranh chấp kéo dài do ông Đường khi chết không để lại di chúc định đoạt di sản của mình để lại vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa: Chia tài sản chung của vợ chồng bà và chia di sản thừa kế của ông Đường theo quy định của pháp luật.

Bà xác định thửa đất trên là tài sản chung của bà và ông Khổng Văn Đường, bà yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất trên, bà đề nghị chia cho bà ½ diện tích đất và giao cho bà được sử dụng đối với các tài sản gắn liền với đất. Phần diện tích đất còn lại bà đề nghị chia cho các hàng thừa kế gồm: Ngọ Thị T; Khổng Văn Đ; Khổng Văn Kết; Khổng Văn X; Khổng Văn Toan; Khổng Thị Ng;

Đối với anh Khổng Văn K(đã chết) thì con anh Kết gồm Khổng Văn T; Không Thị Hằng là hàng thừa kế kế vị của anh Kết được thừa kế vị kỷ phần của anh Kết.

Về kết quả thẩm định thửa đất hiện nay diện tích 645.2m^2 bà đồng ý, không

có ý kiến gì.

Đối với kỷ phần ông Đường chết để lại tại phiên tòa bà đề nghị chia cho bà bằng tiền.

Bị đơn anh Khổng Văn Đ quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải trình bày:

Bố anh tên là Khổng Văn Đường (Đã chết);

Mẹ đẻ: bà Ngọ Thị T- Sinh năm 1957

Bố mẹ anh sinh được 05 anh chị em gồm.

Khổng Văn Đ- Sinh năm 1975

Khổng Văn K– Sinh năm 1977 (Đã chết);

Khổng Văn X- Sinh năm 1979;

Khổng Văn Toan- Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Khổng Thị Ng- Sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn Xã Đoài, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Kết khi chết đã lập gia đình: Vợ là chị Nguyễn Thị B- Sinh năm 1976 vợ chồng anh Kết sinh được hai con chung;

Khổng Văn T- Sinh năm 1999;

Khổng Thị H- Sinh năm 2001

Địa chỉ: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Khi bố anh chết có để lại di chúc cho anh tài sản, tuy nhiên anh không còn bản di chúc để chứng minh, di chúc không làm thủ tục tại UBND xã theo quy định của pháp luật.

Khi bố anh còn sống thì bố và mẹ có thửa đất diện tích 647,2m^2 thửa số 141; tờ bản đồ số 66; vị trí thửa đất: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ai.

Bố mẹ anh sinh sống trên thửa đất trên từ lâu cụ thể từ bé anh đã ở trên thửa đất này, nguồn gốc thửa đất trên là do cha ông để lại.

Đến năm 1993 thì bố mẹ cải tạo nhà trên nhà cũ mà cha ông để lại.

Đến năm 2011 thì anh làm nhà trên phần đất của bố mẹ, khi vợ chồng anh làm nhà anh có trao đổi với mẹ và các em, thì mẹ bảo cho 05m chiều rộng làm nhà, khi đó vợ chồng anh làm nhà 05 m chiều rộng, chiều sâu của nhà là 16 m, tổng diện tích khoảng 80m^2 làm nhà 02 tầng năm 2011; Khi làm nhà thì mẹ và các em không có ai phản đối, ngăn cản gì.

Hiện nay tổng diện tích đất anh đang sử dụng khoảng trên 300m^2

Hiện nay mẹ anh bà Tư có đơn khởi kiện thì quan điểm của anh là đề nghị Tòa án, giao cho anh được quyền sở hữu, sử dụng đối với phần diện tích đất đã làm nhà ở và công trình phụ và cho thêm khoảng 01m đất chiều rộng để làm đường tiêu nước; Còn đối với phần đất còn lại anh đề nghị Tòa án giao cho mẹ anh được sử dụng. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Khổng Văn X tại biên bản ghi lời khai trình bày như sau:

Bố anh tên là Khổng Văn Đường (Đã chết);

Mẹ đẻ: bà Ngọ Thị T- Sinh năm 1957

Bố mẹ anh sinh được 05 anh chị em.

- Khổng Văn Đ- Sinh năm 1975
- Khổng Văn K– Sinh năm 1977 (Đã chết);
- Khổng Văn X- Sinh năm 1979;
- Khổng Văn Toan- Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- Khổng Thị Ng- Sinh năm 1984;
- Địa chỉ: thôn Xã Đoài, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Kết khi chết đã lập gia đình:Vợ là chị Nguyễn Thị B- Sinh năm 1976 vợ chồng anh Kết sinh được hai con chung;

Khổng Văn T- Sinh năm 1999;

Khổng Thị H- Sinh năm 2001

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Khi bố anh chết không để lại di chúc tài sản cho ai.

Khi bố anh còn sống thì bố anh và mẹ anh có thửa đất diện tích 647,2m^2 thửa số 141; tờ bản đồ số 66; Vị trí thửa đất: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ai.

Bố mẹ anh sinh sống trên thửa đất trên từ lâu cụ thể từ bé anh đã ở trên thửa đất này, nguồn gốc thửa đất trên là do cha ông để lại.

Đến năm 1993 thì bố mẹ cải tạo nhà trên nhà cũ mà cha ông để lại.

Năm bao nhiêu vợ chồng anh Đoàn làm nhà thì anh không nhớ, khi anh Đoàn làm nhà thì anh đã lập gia đình và sống chung cùng mẹ là bà Tư, khi vợ chồng anh Đoàn làm nhà thì anh có biết, khi làm nhà thì anh Đoàn có hỏi ý kiến của mẹ là bà Tư, khi đó mẹ anh bảo chỉ cho vợ chồng anh Đoàn làm nhà là 05 chiều rộng, vợ chồng anh Đoàn không hỏi ý kiến gì của các em trong gia đình.

Khi vợ chồng anh Đoàn làm nhà ở và công trình phụ thì anh có biết và không phản đối gì, các anh, em còn lại cũng biết và không có ai phản đối, ngăn cản, hay có đơn thư gì.

Sau khi xây nhà xong một thời gian thì anh Đoàn cho người chặt cây và cho người xây tường, ngăn đối thửa đất của bố mẹ mà chưa được sự đồng ý của mẹ là bà Tư và các anh em trong gia đình.

Nay mẹ anh bà Tư khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế, thì anh đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung và phân chia di sản là diện tích đất do bố tôi để lại cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Anh chỉ yêu cầu phân chia di sản là diện tích đất 647,2m^2 thửa số 141; tờ bản đồ số 66; vị trí thửa đất: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do chưa được cấp là do đất đang có tranh chấp giữa bà với anh Khổng Văn Đ là con.

Do điều kiện công việc anh xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Khổng Văn Ttại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa trình bày như sau:

Bố anh tên là Khổng Văn Đường (Đã chết);

Mẹ đẻ: bà Ngọ Thị T- Sinh năm 1957

Bố mẹ anh sinh được 05 anh chị em.

- Khổng Văn Đ- Sinh năm 1975
- Khổng Văn K– Sinh năm 1977 (Đã chết);
- Khổng Văn X- Sinh năm 1979;
- Khổng Văn Toan- Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- Khổng Thị Ng- Sinh năm 1984;
- Địa chỉ: thôn Xã Đoài, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Kết khi chết đã lập gia đình:Vợ là chị Nguyễn Thị B- Sinh năm 1976 vợ chồng anh Kết sinh được hai con chung;

Khổng Văn T- Sinh năm 1999;

Khổng Thị H- Sinh năm 2001

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Khi bố anh chết không để lại di chúc tài sản cho ai.

Khi bố anh còn sống thì bố anh và mẹ tôi có thửa đất diện tích 647,2m^2 (Nay là 645,2m^2) thửa số 141; tờ bản đồ số 66; vị trí thửa đất: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ai.

Bố mẹ anh sinh sống trên thửa đất trên từ lâu cụ thể từ bé tôi đã ở trên thửa đất này, nguồn gốc thửa đất trên là do cha ông để lại.

Đến năm 1993 thì bố mẹ cải tạo nhà trên nhà cũ mà cha ông để lại.

Năm bao nhiêu vợ chồng anh Đoàn làm nhà thì anh không nhớ, khi anh Đoàn làm nhà thì anh đã lập gia đình và sống chung cùng mẹ anh là bà Tư, khi vợ chồng anh Đoàn làm nhà thì anh có biết, khi làm nhà thì anh Đoàn có hỏi ý kiến của mẹ anh là bà Tư, khi đó mẹ bảo chỉ cho vợ chồng anh Đoàn làm nhà là 05 chiều rộng, vợ chồng anh Đoàn không hỏi ý kiến gì của các em trong gia đình.

Khi vợ chồng anh Đoàn làm nhà ở và công trình phụ thì anh có biết và không phản đối gì, các anh, em còn lại cũng biết và không có ai phản đối, ngăn cản, hay có đơn thư gì.

Sau khi xây nhà xong một thời gian thì anh Đoàn cho người chặt cây và cho người xây tường, ngăn đôi thửa đất của bố mẹ mà chưa được sự đồng ý của mẹ là bà Tư và các anh em trong gia đình.

Nay mẹ anh bà Tư khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế, thì anh đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung và phân chia di sản là diện tích đất do bố anh để lại cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Anh chỉ yêu cầu phân chia di sản là diện tích đất 647,2m^2 thửa số 141; tờ bản đồ số 66; vị trí thửa đất: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do chưa được cấp là do đất đang có tranh chấp giữa với anh Khổng Văn Đ là con.

Về kết quả thẩm định thửa đất trên hiện nay diện tích 645.2m2 anh đồng ý, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa anh đề nghị chia cho anh bằng hiện vật, để anh có đất làm nhà, vi hiện nay anh chưa có đất ở.

Đối với di sản khác do bố anh để lại anh không đề nghị chia, anh đề nghị

giao cho bà Tư sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Khổng Thị Ng tại biên bản ghi lời khai trình bày như sau:

Bố chị tên là Khổng Văn Đường (Đã chết);

Mẹ đẻ: bà Ngọ Thị T- Sinh năm 1957

Bố mẹ chị sinh được 05 anh chị em.

- Khổng Văn Đ- Sinh năm 1975
- Khổng Văn K– Sinh năm 1977 (Đã chết);
- Khổng Văn X- Sinh năm 1979;
- Khổng Văn Toan- Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- Khổng Thị Ng- Sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn Xã Đoài, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Kết khi chết đã lập gia đình:Vợ là chị Nguyễn Thị B- Sinh năm 1976 vợ chồng anh Kết sinh được hai con chung;

Khổng Văn T- Sinh năm 1999;

Khổng Thị H- Sinh năm 2001

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Khi bố chị chết không để lại di chúc tài sản cho ai.

Khi bố chị còn sống thì bố và mẹ có thửa đất diện tích 647,2m^2 thửa số 141; tờ bản đồ số 66; (Nay là 645,2m^2) vị trí thửa đất: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ai. Hiện nay thửa đất trên bà Tư và anh Khổng Văn Đ đang quản lý sử dụng.

Bố mẹ chị sinh sống trên thửa đất trên từ lâu cụ thể từ bé chị đã ở trên thửa đất này, nguồn gốc thửa đất trên là do cha ông để lại.

Đến năm 1993 thì bố mẹ cải tạo nhà trên nhà cũ mà cha ông để lại.

Năm bao nhiêu vợ chồng anh Đoàn làm nhà thì chị không nhớ, khi anh Đoàn làm nhà thì chị đã lập gia đình lấy chồng về nhà chồng sinh sống ở huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, khi anh Đoàn đã làm nhà gần xong thì chị mới biết, khi làm nhà thì anh Đoàn có hỏi ý kiến của mẹ chị là bà Tư, khi đó mẹ chị bảo chỉ cho vợ chồng anh Đoàn là 05 chiều rộng làm nhà, chỉ cho bằng miệng, không có văn bản, giấy tờ gì.

Khi vợ chồng anh Đoàn làm nhà ở và công trình phụ thì khi chị biết và không phản đối, ngăn cản, hay có đơn thư gì.

Sau khi xây nhà xong một thời gian thì anh Đoàn cho người chặt cây và cho người xây tường, ngăn đối thửa đất của bố mẹ mà chưa được sự đồng ý của mẹ là bà Tư và các anh em trong gia đình.

Nay bà Tư khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế, thì tôi đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung và phân chia di sản là diện tích đất do bố chị để lại cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Riêng phần định suất thừa kế của chị được hưởng từ di sản của bố để lại chị đề nghị Tòa án phân chia cho chị, có nguyện vọng trích chia cho chị bằng tiền.

Đối với di sản khác do bố chị để lại chị không đề nghị chia, chị đề nghị giao cho bà Tư sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Khổng Văn T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Bảo; chị Hằng tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa trình bày như sau:

Bố anh là ông Khổng Văn K– Sinh năm 1977 (Đã chết năm 2002);

Mẹ đẻ tôi là: Nguyễn Thị B- Sinh năm 1976

Bố mẹ anh sinh được hai người con gồm:

Anh Khổng Văn T- Sinh năm 1999;

Chị Khổng Thị H- Sinh năm 2001

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Ông nội anh: tên là Khổng Văn Đường (Đã chết);

Bà nội anh: bà Ngọ Thị T- Sinh năm 1957

Ông bà nội anh sinh được 05 anh chị em.

- Khổng Văn Đ- Sinh năm 1975
- Khổng Văn K– Sinh năm 1977 (Đã chết);
- Khổng Văn X- Sinh năm 1979;
- Khổng Văn Toan- Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đều ở thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- Khổng Thị Ng- Sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn Xã Đoài, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Theo anh được biết thì khi bố mẹ anh mới kết hôn, thì sống chung cùng ông bà nội. Sau một thời gian thì bố mẹ anh mua đất ở bên ngoài, thì bố mẹ anh làm nhà, ở riêng, bố mẹ anh sinh sống trên thửa đất bố mẹ mua.

Đối với thửa đất diện tích 647,2m^2 (Nay là 645,2m^2) thửa số 141; tờ bản đồ số 66; vị trí thửa đất: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ai. Hiện nay thửa đất trên bà Tư bà nội anh và bác Khổng Văn Đ đang quản lý sử dụng.

Nay bà Tư khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế, thì anh đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung và phân chia di sản là diện tích đất do ông nội anh để lại cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Bố anh ông Khổng Văn Klà hàng thừa kết thứ nhất đã chết năm 2002, hiện nay anh và chị Hằng là con của ông Kết, thuộc hàng thừa kế kế vị, anh yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất mà ông nội anh là Khổng Văn Đường chết để lại.

Riêng phần định suất thừa kế của bố anh được hưởng từ di sản của ông nội để lại anh đề nghị Tòa án phân chia cho các con của ông Kết đất theo quy định của pháp luật

Anh chỉ yêu cầu phân chia di sản là diện tích đất là 645,2m^2 thửa số 141; tờ bản đồ số 66; vị trí thửa đất: thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa anh đề nghị phần chia cho anh bằng tiền

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa trình bày như sau:

Chị và anh Khổng Văn Đ có quan hệ là vợ chồng

Bố chồng chị là: Khổng Văn Đường (Đã chết);

Mẹ chồng: bà Ngọ Thị T- Sinh năm 1957

Chị kết hôn với anh Đoàn từ năm 1996, vợ chồng sống chung cùng gia đình nhà chồng, đến năm 1999 thì bố mẹ cho ra ở riêng, ở bên ngoài là phần đất hiện nay chú Khổng Văn X đang ở, sau đó thì gia đình nhà chồng không hòa thuận, nên vợ chồng chị đi ở nhờ.

Đến năm 2007 thì vợ chồng về sinh sống cùng bố chồng là ông Khổng Văn Đường, khi đó thì bà Tư đi làm xa, khi ông Đường ốm thì mẹ tôi mới về, khi đó vợ chồng sinh sống cùng ông Đường và bà Tư. năm 2008 thì ông Đường chết, sau khi ông Đường chết thì bà Tư sinh sống cùng vợ chồng chị một thời gian thì bà Tư ở riêng.

Đến năm 2011 thì vợ chồng làm nhà trên phần đất mà bố mẹ, khi làm nhà thì vợ chồng có trao đổi với bà Tư, khi đó bà Tư có đồng ý cho vợ chồng làm nhà, bà bảo cho 05m chiều rộng, vợ chồng chị làm nhà chiều rộng là 05m, chiều của nhà là 16m; Tổng diện tích cả nhà và công trình phụ và sân là 26 chiều sâu, vợ chồng làm năm 2011, khi làm nhà và công trình trên đất thì mẹ và các em đều biết, không có ai ngăn cản, hay phản đối gì.

Phần đất giáp nhà thì vợ chồng chị lát sân và có bắn một phần mái tôn thì làm sau.

Hiện nay tổng diện tích đất mà vợ chồng chị sử dụng khoảng 300m^2

Hiện nay bà Tư có đơn khởi kiện thì quan điểm của chị là đề nghị Tòa án, giao cho vợ chồng chị được quyền sở hữu, sử dụng đối với phần diện tích đất đã làm nhà ở và công trình phụ và cho thêm khoảng 01m đất chiều rộng để làm đường tiêu nước; Còn đối với phần đất còn lại chị đến nghị Tòa án giao cho bà Tư được sử dụng. Chị không có yêu cầu gì khác.

Về ý kiến của UBND xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa:

Xác định nguồn gốc thửa đất thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^2 ; Vị trí thửa đất tại thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là do bố mẹ đẻ ông Khổng Văn Đường cho vợ chồng bà Ngọ Thị T; ông Không Văn Đường, vợ chồng bà Tư, ông Đường sinh sống trên thửa đất trên từ khoảng năn 1974 cho đến nay, khi ông Đường chết, bà Tư sinh sống trên thửa đất trên và một phần thửa đất thì anh Đoàn là con đã làm nhà và đang sinh sống.

Thửa đất trên nằm trong quy hoạch khu dân cư, không có tranh chấp với các hộ liền kề, không nằm trong diện thu hồi, hay giải phóng mặt bằng.

Thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang có tranh chấp giữa bà Tư và anh Khổng Văn Đ.

Theo quy định hạn mức đất ở đối với thửa đất trên là 300m^2 diện tích đất còn lại là đất vườn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Ông Nguyễn Mạnh Lê – Luật sư thuộc công ty TNHH MTV Phúc Quang Đoàn luật sư Hà Nội có ý kiến trình bày quan điểm:

Đề nghị HĐXX cứ vào Điều 38, 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 208, 210, 213 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chia tài sản chung của ông Khổng Văn Đường và bà Ngọ Thị T tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất có diện tích 647,2m^2, số thửa 141, TBĐ số 66; địa chỉ tại thôn Ngọ X, xã Châu M, Hiệp Hòa, Bắc Giang.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 649, 650, 651, 652 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 179 Luật đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn chia di sản thừa kế của ông Khổng Văn Đường để lại sau khi qua đời nằm trong khối tài sản chung của ông bà tạo đựng được trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với với thửa đất có diện tích 647,2m^2, số thửa 141, TBĐ số 66; địa chỉ tại thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật. Cụ thể Phần di sản của ông Đường để lại chia cho 6 người thuộc hàng thừa kế thứ Nhất của ông Đường gồm: Bà Tư, anh Đoàn, anh Kết, anh Xuân, anh Toan, chị Ngoan. Trong đó suất thừa kế của anh kết giao cho cháu Tuấn, cháu Hằng được hưởng (thừa kế thế vị).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào các Điều 633, Điều 634, Điều 645, Điều 674, Điều 675, Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 208, Điều 210, Điều 213; Điều 612 Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 179 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 33, 66 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngọ Thị T về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngọ Thị T.

Xác định tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^2 vị trí thửa đất tại thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của vợ chồng bà Ngọ Thị T và ông Khổng Văn Đường.

Xác định ½ diện tích đất tại thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^2 vị trí thửa đất tại thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là tài di sản thừa kế mà ông Khổng Văn Đường đã chết để lại.

Giao cho bà Ngọ Thị T được sử dụng diện tích đất 322,6m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, trên phần diện tích đất được giao trong đó (đất ở là 150m^2 x 6.000.000 đồng /01m^2 = 900.000.000 đồng; đất vườn là 172.6m^2 x 800.000 đồng /01m^2 =138.080.000 đồng): Tổng giá trị = 1.038.080.000 đồng.

Giao cho anh Khổng Văn Đ diện tích đất là 159.3m^2 và các tài sản găn liền với đất (Trong đó diện tích đất ở là 75m^2 x 6.000.000 đồng = 450.000.000 đồng; Diện tích đất vườn là 84.3m^{2}x 800.000 đồng/01m^2 = 67.440.000 đồng. Nhưng vậy tổng giá trị anh Đoàn được hưởng là 517.440.000 đồng.

Buộc anh Khổng Văn Đ có trách nhiệm trích chia cho các hàng thừa kế còn lại là bằng tiền cụ thể trích chia cho bà Ngọ Thị T = 86.106.000 đồng; anh Khổng Văn X = 86.106.000 đồng ; Khổng Thị Ng 86.106.000 đồng; Hàng thừa kế thế vị của anh Kết là 86.106.000 đồng.

Buộc anh Khổng Văn Đ có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ các công trình và tài sản trên phần đất 163.3m^2 giao cho anh Toan gồm:Tường gạch; sân; bán mái; cổng.

Giao cho anh Khổng Văn Tđược sử dụng 163.3m^2 (Trong đó đất ở là 75m^2 x 6.000.000 đồng = 450.000.000 đồng đất vườn là 88,3m^2 x 800.000 đồng/ 01m^2 = 70.640.000 đồng; Tổng giá trị tài sản anh Toan được hưởng = 520.640.000 đồng.

Buộc anh Khổng Văn Tcó có trách nhiệm trích chia cho các hàng thừa kế còn lại là bằng tiền cụ thể trích chia cho bà Ngọ Thị T = 86.906.000 đồng anh Khổng Văn X = 86.906.000 đồng; Khổng Thị Ng 86.906.000 đồng; Hàng thừa kế thế vị của anh Kết là 86.906.000 đồng.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Ngọ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 3.200.000đồng, xác nhận bà Ngọ Thị T đã nộp đủ.

3. Về án phí: Bà Ngọ Thị T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Khổng Văn Đ; anh Khổng Văn X; anh Khổng Văn Toan; chị Khổng Thị Ng mỗi người phải chịu 8.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Khổng Văn T; chị Khổng Thị H phải liên đới chịu 8.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn là bà Ngọ Thị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế của ông Đường để lại. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Khổng Văn Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Khổng Văn X có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia tài sản thừa kế đối với phần tài sản của ông Khổng Văn Đường chết để lại quyền sử dụng đất thuộc số thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^{2}cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật HĐXX nhận thấy.

3.1 Về yêu cầu chia tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và các bên đương sự đều thừa nhận rằng: Ông Khổng Văn Đường và Bà Ngọ Thị T kết hôn, chung sống cùng với nhau từ năm 1973. Quá trình chung sống vợ chồng có tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^2; Vị trí thửa đất tại thôn Ngọ X, xã Châu M; nguồn gốc thửa đất trên là do cha mẹ chồng đã cho từ năm 1974 khi vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng sinh sống trên thửa đất trên từ năm 1974, vợ chồng đã xây dựng một căn nhà tạm lợp che để ở. Đến năm 1993 thì vợ chồng phá ngôi nhà cũ đi để xây dựng căn nhà cấp 4, vợ chồng đã sinh sống trên căn nhà từ đó cho đến nay, khi ông Đường chết, thì bà Tư vẫn sinh sống trên thửa đất trên, và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ.

Vì vậy đã có đầy đủ căn cứ để xác định thửa đất có diện tích 645,2m^2, số thửa 141, TBĐ số 66; địa chỉ tại thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là tài sản chung của bà Ngọ Thị T và ông Khổng Văn Đường

Do vậy yêu cầu của bà Ngọ Thị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất trên là có căn cứ bà Ngọ Thị T được hưởng ½ giá trị đối với thửa đất trên là phù hợp với quy định tại là phù hợp theo quy định tại Điều 33, 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 208, 210, 213 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2 Về yêu cầu chia thừa kế

- Về hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Đường:

Ông Khổng Văn Đường (chết năm 2006) khi chết không để lại di chúc; Vợ chồng ông Đường và bà Tư sinh được 05 người con chung gồm: Khổng Văn Đ; Khổng Văn K(Đã chết); Khổng Văn X; Khổng Văn Toan; Khổng Thị Ng;

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định, Trong quá trình chung sống ông Đường và bà Tư không có con nuôi; Không có con riêng; bố, mẹ đẻ sinh ra ông Đường đều đã chết từ lâu.

Do vậy xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đường gồm có: Bà Ngọ Thị T; Khổng Văn Đ; Khổng Văn K(Đã chết); Khổng Văn X; Khổng Văn Toan; Khổng Thị Ng;

Do ông Khổng Văn K(Đã chết) nên hàng thừa kế thế vị của anh Kết thế vị gồm anh Khổng Văn T (con đẻ anh Kết); chị Khổng Thị H (Con đẻ anh Kết) là phù hợp với quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự.

[3.3]. Về thời hiệu chia thừa kế:

Ông Khổng Văn Đường chết ngày 11/01/2006 không để lại di chúc, ngày 16/8/2023, bà Ngọ Thị T có đơn khởi kiện chia tài sản chung và chia di sản thừa kế, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Khổng Văn Đường vẫn còn.

[3.4]. Về di sản: Khi còn sống ông Khổng Văn Đường và bà Ngọ Thị T có khối tài sản là thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^2; Vị trí thửa đất, thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa và các tài sản gắn liền với đất.

Theo kết quả định giá ngày 12/4/2024

Diện tích đất ở giá trị là 6.000.000 đồng/ 01m^2.

Diện tích đất vườn 800.000 đông/ 01m^2

Các tài sản chung của vợ chồng bà Tư, ông Đường gắn liền với đất hiện nay bà Tư đang quản ly sử dụng gồm;

-01 Ngôi nhà 04 gian lợp ngói, xây dựng năm 1993 giá trị còn lại 35.000.000 đồng.

- 01 Bán mái 10.000.000 đồng
- Khu chăn nuôi+ bếp giá trị còn lại 23.000.000 đồng
- Sân nát gạch đỏ giá 3.200.000 đồng
- Tường gạch 110; bổ trụ giá trị còn lại 10.000.000 đồng
- Cổng sắt+ 02 trụ cồng giá trị 2.000.000 đồng
- 02 cây sưa bán kính 18cm= 3.500.000 đồng /01 cây; 01 cây sung = 400.000 đồng; 01 cây lộc vừng bán kính 20 cm giá 2.000.000 đồng

Khi Tòa án tiến hành thẩm định tài sản thì diện tích thực tế 645,2 m2 có giảm hơn so với bản đồ chính quy; thửa đất này được sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề; đất nằm trong khi quy hoạch khu dân cư, không nằm trong diện bị thu hồi; hay quy hoạch thuộc diện phải thu hồi.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện thửa đất không có tranh chấp với các hộ liền kề; đất nằm trong khi quy hoạch khu dân cư, không nằm trong diện bị thu hồi; hay quy hoạch thuộc diện phải thu hồi; đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang có tranh chấp giữa bà Ngọ Thị T và con là anh Khổng Văn Đ.

Theo quy định tại Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình khi một bên chết thì tài sản chung của vợ chồng sẽ được chia đôi, phần của người chết sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Do vậy thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^2; Vị trí thửa đất, thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, Qua xác minh tại UBND xã Châu Minh thì diện tích đất ở đối với thửa đất trên là 300m^2; Diện tích đất còn lại là đất vườn, là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 3 Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định về hạnh mức giao đất ở, do vậy bà Ngọ Thị T được ½ điện tích đất tương ứng với 322.6m^2 (trong đó đất ở là 150m^2; Đất vườn là 172.6m^2)

Như vậy, di sản để chia cho các thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích là 322,6m^2 (trong đó đất ở là 150m^2; Đất vườn là 172.6m^2 là đất vườn) di sản này chia làm 6 phần gồm, Giá trị đất mà các hàng thừa kế được hưởng là 173.013.000 đồng/01 suất.

Do diện tích đất khi phân chia, nếu chia bằng hiện vật cho tất cả các hàng thừa kế, thì diện tích đất nhỏ, không phù hợp với hiện trạng thửa đất do vậy cần xem xét đến nguyện vọng; điều kiện và nhu cầu về đất ở của từng hàng thừa kế để có sự phân chia.

Đối với anh Khổng Văn Đ hiện đang sử dùng đất; đã xây dựng nhà kiên cố 02 tầng; và các công trình trên đất do vậy cần tiếp tục giao cho anh Đoàn sử dụng đối với diện tích đất trên, nhưng anh Đoàn có trách nhiệm trích chia cho các hàng thừa kế còn lại bằng tiền.

Đối với anh Khổng Văn Thiện nay không có đất ở; đang sinh sống nhờ trên đất và nhà bà Ngọ Thị T, nên cần giao cho anh Khổng Văn Tmột phần diện tích đất để anh Toan có chỗ ở, sinh sống.

Đối với anh Khổng Văn X đã có nhà đất ở do vậy cần xem xét trích chia cho anh Xuân bằng tiền theo kỷ phần.

Đối với chị Khổng Thị Ng đã lấy chồng, sinh sống ở Yên Phong, Bắc Ninh, tại biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa chị Ngoan có nguyện vọng trích chia cho chị Ngoan bằng tiền.

Đối với hàng thừa kế thế vị của ông Khổng Văn Klà anh Khổng Văn T; chị Khổng Thị H (Chị Hằng ủy quyền cho anh Tuấn), anh Tuấn tại phiên tòa đề nghị chia bằng tiền, nên cần trích chia cho anh Tuấn, chị Hằng bằng tiền theo giá trị kỷ phần.

Đối với bà Ngọ Thị T đã được được chia ½ điện tích đất, trên đất có nhà ở và các công trình, Tại phiên tòa bà đề nghị kỷ phần mà ông Đường để lại trích chia cho bà Tư bằng tiền.

Từ những nhận định nếu trên HĐXX nhận thấy:

Giao cho bà Ngọ Thị T được sử dụng diện tích đất 322,6m^2 trong đất ở là 150m^2 x 6.000.000 đồng /01m^2 = 900.000.000 đồng; đất vườn là 172m^2 x 800.000 đồng /01m^2 =138.080.000 đồng: Tổng giá trị = 1.038.080.000 đồng và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất.

Giao cho anh Khổng Văn Đ diện tích đất mà anh Đoàn đã xây nhà và các tài sản gắn liền với đất, trên phần diện tích đất đang sử dụng có tổng diện tích là 159.3m^2 (Trong đó diện tích đất ở là 75m^2 x 6.000.000 đồng = 450.000.000 đồng; Diện tích đất vườn là 84.3m^2x 800.000 đồng/01m^2 = 67.440.000 đồng. Nhưng vậy tổng giá trị anh Đoàn được hưởng là 517.440.000 đồng.

Anh Khổng Văn Đ có trách nhiệm trích chia cho các hàng thừa kế còn lại là bằng tiền cụ thể bà Ngọ Thị T = 86.106.000 đồng; anh Khổng Văn X = 86.106.000 đồng ; Khổng Thị Ng 86.106.000 đồng; Hàng thừa kế thế vị của anh Kết là 86.106.000 đồng.

- Giao cho anh Khổng Văn Tđược sử dụng 163.3m^2 (Trong đó đất ở là 75m^2 x 6.000.000 đồng/ 01m^2 = 450.000.000 đồng đất vườn là 88,3m^2 x 800.000 đồng/ 01m^2 = 70.640.000 đồng; Tổng giá trị tài sản anh Toan được hưởng = 520.640.000 đồng.

Buộc anh Khổng Văn Tcó có trách nhiệm trích chia cho các hàng thừa kế còn lại là bằng tiền cụ thể trích chia cho bà Ngọ Thị T = 86.906.000 đồng anh Khổng Văn X = 86.906.000 đồng; Khổng Thị Ng 86.906.000 đồng; Hàng thừa kế thế vị của anh Kết là 86.906.000 đồng.

Buộc anh Khổng Văn Đ có trách nhiệm tháo dỡ các công trình và tài sản trên phần đất 163.3m^2 giao cho anh Toan 163.3m^2 gồm:Tường gạch; sân; bán mái; cổng…

[4]. Ngoài ra hiện nay trên đất còn một số công trình, tài sản và cây cối lâm lộc trên phần đất bà Tư đang sử dụng, các đương sự xác định là tài sản chung của bà Tư; ông Đường, hiện nay bà Tư đang quản lý, sử dụng, đối với các tài sản trên quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và các đương sự khác không có yêu cầu phân chia, và đề nghị giao cho bà Tư được sự dụng.

[5]. Về thủ tục thẩm định tại chỗ; định giá tài sản trong tố tụng dân sự: Đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa các bên đương sự không có ai ý kiến, khiếu nại gì, do vậy kết quả thẩm định và định giá tài sản trong tố tụng dân sự là hợp pháp.

[6]. Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 3.200.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và không đề nghị các thừa kế khác phải thanh toán nên cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Ngọ Thị T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Khổng Văn Đ; anh Khổng Văn X; anh Khổng Văn Toan; chị Khổng Thị Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị kỷ phần được hưởng.

Anh Khổng Văn T; chị Khổng Thị H phải liên đơi chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị kỷ phần được hưởng.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì lẽ trên quyết định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 633, Điều 634, Điều 645, Điều 674, Điều 675, Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 208, Điều 210, Điều 213; Điều 612 Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 33, 66 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 179 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngọ Thị T về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

1.1 Xác định tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^2 Vị trí thửa đất tại thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được giới hạn bởi các điểm từ A1 đến A19, là tài sản chung của vợ chồng bà Ngọ Thị T và ông Khổng Văn Đường.

Giao cho bà Ngọ Thị T được sử dụng diện tích đất 322,6m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (trong đất ở là 150m^2 x 6.000.000 đồng/01m^2 = 900.000.000 đồng; đất vườn là 172,6m^2 x 800.000 đồng /01m^2 =138.080.000 đồng): Tổng giá trị = 1.038.080.000 đồng.

Thửa đất được giới hạn bởi các điểm: A1;A2;A3;A4;A5;A6;A7; A19

Phía bắc: Giáp phần đất phân chia cho anh Khổng Văn Ttừ A7+ A19 = 27.12m.

Phía đông: Giáp đất hộ ông Nguyễn Đình Tiếp từ điểm A1 + A19 = 11.65m

Phía tây: Giáp đường liên thôn từ các điểm A4+ A5+ A6+A7 = 6,51+ 4.46 + 0.28m

Phía nam: Giáp đất hộ ông Ngọ Công Đạt từ các điểm A1+ A2+A3+A4 = 5,08m+8.95m+ 14.70m

1.2. Xác định diện tích đất còn lại 322,6m^2(trong đất ở là 150m^2 x 6.000.000 đồng/01m^2 = 900.000.000 đồng; đất vườn là 172.6m^2 x 800.000 đồng /01m^2 =138.080.000 đồng): Tổng giá trị = 1.038.080.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm từ A7 đến A19, tại thửa đất số 141; Tờ bản đồ số 66; Diện tích 645.2m^2 vị trí thửa đất tại thôn Ngọ X, xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là di sản thừa kế mà ông Khổng Văn Đường đã chết để lại.

1.3 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Khổng Văn Đường gồm có: Bà Ngọ Thị T; Khổng Văn Đ; Khổng Văn K(Đã chết); Khổng Văn X; Khổng Văn Toan; Khổng Thị Ng;

Xác định hàng thừa kế thế vị của ông Khổng Văn Klà anh Khổng Văn T; chị Khổng Thị H.

- Giao cho anh Khổng Văn Đ được sử dụng diện tích đất là 159.3m^2 (Trong đó diện tích đất ở là 75m^2 x 6.000.000 đồng = 450.000.000 đồng; đất vườn là 84.3m^{2}x 800.000 đồng/01m^2 = 67.440.000 đồng. Tổng giá trị anh Đoàn được chia là 517.440.000 đồng.

Thửa đất được giới hạn bởi các điểm: A9; A10; A11; A12; A13; A14; A15; A16; A17.

Phía bắc: Giáp phần đất hộ ông Ngọ Văn Bốn từ điểm A11+ A12+A13+ A14+ A15 = 10.59m+8.49m+ 5.89m+ 0.55m

Phía Đông: giáp đất hộ ông Nguyễn Đình Tiếp từ điểm A15 + A16+ A17 = 3.99m+ 2.58m

Phía tây: Giáp đường liên thôn từ các điểm A9+A10+A11 = 0.60m+ 5.80m

Phía nam: Giáp đất chia cho anh Khổng Văn Ttừ các điểm A9+ A17 = 26.52 m

- Giao cho anh Khổng Văn Tđược sử dụng 163.3m^2 (Trong đó đất ở là 75m^2 x 6.000.000 đồng/01m^2 = 450.000.000 đồng đất vườn là 88,3m^2 x 800.000 đồng/01m^2 = 70.640.000 đồng; Tổng giá trị tài sản anh Toan được hưởng = 520.640.000 đồng.

Thửa đất được giới hạn bởi các điểm: A7;A8;A9;A17;A18;A19

Phía Bắc: Giáp phần đất được phân chia cho anh Khổng Văn Đ từ điểm A9 + A17 = 26.52m

Phía Đông: giáp đất hộ ông Nguyễn Đình Tiếp từ điểm A17 + A18+ A19 = 4.21mm+ 2.45m

Phía tây giáp đường liên thôn từ các điểm A7+A8+A9 = 2.14m+ 3.56m

Phía nam: Giáp đất chia cho bà Ngọ Thị T từ các điểm A7+ A19 = 27.12m

Buộc anh Khổng Văn Đ có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ các công trình và tài sản trên phần đất 163.3m^2 giao cho anh Toan 163.3m^2 gồm:Tường gạch; sân; bán mái; cổng.

(Đặc điểm các thửa đất phân chia có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Buộc anh Khổng Văn Đ có trách nhiệm trích chia cho các hàng thừa kế còn lại là bằng tiền cụ thể trích chia cho bà Ngọ Thị T = 86.106.000 đồng; anh Khổng Văn X = 86.106.000 đồng; Khổng Thị Ng 86.106.000 đồng; Hàng thừa kế thế vị của anh Kết là 86.106.000 đồng.

Buộc anh Khổng Văn Tcó có trách nhiệm trích chia cho các hàng thừa kế còn lại là bằng tiền cụ thể trích chia cho bà Ngọ Thị T = 86.906.000 đồng anh Khổng Văn X = 86.906.000 đồng; Khổng Thị Ng 86.906.000 đồng ; Hàng thừa kế thế vị của anh Kết là 86.906.000 đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Ngọ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 3.200.000 đồng, xác nhận bà Ngọ Thị T đã nộp đủ.

3. Về án phí: Bà Ngọ Thị T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Khổng Văn Đ; anh Khổng Văn X; anh Khổng Văn Toan; chị Khổng Thị Ng mỗi người phải chịu 8.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Khổng Văn T; chị Khổng Thị H phải liên đới chịu 8.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Châu Minh;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần